

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15-11-2019

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững
Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Tài L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp HT, xã HTĐ, huyện T T, Long An.

- Bị đơn: Mai Thanh H, sinh ngày 10/11/1999.

Địa chỉ: Ấp 6B, xã T X, huyện T M, Đồng Tháp.

(Chị L có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Lê Thị Tài L trình bày:* Năm 2018, chị và anh Mai Thanh H tìm hiểu nhau và tự nguyện về sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chị và anh H do không hợp tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm sống, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hôn nhân, nhưng chị và anh H không hàn gắn được. Hiện tại, chị và anh H không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, chị thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án ly hôn với anh Mai Thanh H.

Về quan hệ nuôi con: Giữa chị và anh H có một con chung tên Lê Huỳnh Hải Y, sinh ngày 05/01/2019. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi Lê Huỳnh Hải Y và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Ngày 16/10/2019, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị đồng ý giao con chung tên Hải Y cho anh Mai Thanh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và

không yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con như đơn khởi kiện trình bày.

Về quan hệ tài sản: Không có;

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Mai Thanh H trình bày:* Anh và chị L sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2018 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị L thường xuyên có mâu thuẫn. Nay chị L không muốn sống chung với anh và yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ nuôi con: Thống nhất có một con chung tên Lê Huỳnh Hải Y, sinh ngày 05/01/2019, hiện tại Hải Y đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi Hải Y, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Mai Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Mai Thanh H có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Thanh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thanh H. Xét thấy, chị L và anh H do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng. Thời gian đầu, cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị L, anh H không tôn trọng tình cảm đã có, anh H không quan tâm, chăm sóc chị L dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, chị L và anh H không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Mai Thanh H đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại Tờ tự khai của anh Mai Thanh H đề ngày 16/10/2019, anh H đồng ý ly hôn với chị L. Điều này thể hiện anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L.

Từ những căn cứ trên cho thấy đời sống chung giữa chị L và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận:

“1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

...”,

Hội đồng xét xử xét thấy, Anh Mai Thanh H sinh ngày 10/11/1999 tính đến thời điểm kết hôn năm 2018, anh H chỉ 19 tuổi, chị L 21 tuổi, như vậy việc kết hôn của anh H và chị L là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó hôn nhân giữa chị Lê Thị Tài L và anh Mai Thanh H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Lê Thị Tài L, anh Mai Thanh H là vợ chồng, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan hệ nuôi con: Chị L và anh H thống nhất có một con chung tên Lê Huỳnh Hải Y, sinh ngày 05/01/2019. Chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Hải Y và yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 16/10/2019, Chị L làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị L đồng ý giao Hải Y cho anh Thanh H nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng.

Tại tờ tự khai anh Mai Thanh H cũng có yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Hải Y, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị L đồng ý giao con chung tên Hải Y cho anh Mai Thanh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con như đơn khởi kiện là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị Linh và nội dung tại Tờ tự khai đề ngày 16/10/2019 của anh Mai Thanh H thì anh, chị thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị Linh và nội dung tại Tờ tự khai đề ngày 16/10/2019 của anh Mai Thanh H thì anh, chị thống nhất không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Tài L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002376 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Lê Thị Tài L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tài L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Mai Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Tài L và anh Mai Thanh H là vợ chồng.

- Quan hệ nuôi con: Anh Mai Thanh H được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Huỳnh Hải Y, sinh ngày 05/01/2019. Anh H không yêu cầu chị Lê Thị Tài L cấp dưỡng;

Chị Lê Thị Tài L, anh Mai Thanh H có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Lê Thị Tài L được quyền thăm con.

- Quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tài L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002376 ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Lê Thị Tài L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tài L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Mai Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên đóng dấu)**

Nguyễn Thị Ngọc Diệu